



Phiên bản: 2025-1

Bảng dữ liệu an toàn

1. Hóa chất và tên công ty và thông tin nhà sản xuất

Hóa chất: CHẤT LẮM CỨNG NUB+45 (A805 NY)
Tên hóa học: Chất làm cứng NUB+45 (A805 NY)
Tên khác: ---
Tên khác: ---
Khuyến nghị sử dụng và hạn chế sử dụng: Sử dụng trong công nghiệp
Khuyến nghị sử dụng và hạn chế: Chỉ sử dụng trong công nghiệp
Tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp (TÊN THƯƠNG HIỆU), Địa chỉ, Điện thoại: TAI YUANG INDUSTRIES CO., LTD. (SƠN SƠN THREE KINGS) 1400, CHUNG SHAN RD, SHEN KANG TAICHUNG TAIWAN.TEL: 04-25622009
Tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp (tên thương hiệu), địa chỉ và số điện thoại: Công ty TNHH Công nghiệp Thái Nguyên (Sanwang Paint) / Số 1400, Đường Trung Sơn, Shengang, Đài Trung / 04-25622009
Điện thoại khẩn cấp / Fax: TEL: 119 hoặc 04-25622009 FAX: 04-25620931
Số điện thoại liên lạc khẩn cấp/số fax: TEL:119 hoặc 04-25622009 FAX:04-25620931

2. Dữ liệu nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại nguy cơ hóa chất: Chất lỏng dễ cháy loại 3 Chất độc cấp tính - Loại hít phải 4 Độ nhạy cảm của da loại 1 Độc chất toàn thân tác động lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm một lần Loại 3 Phân loại nguy cơ hóa học: Chất lỏng dễ cháy loại 3, Chất độc cấp tính - loại hít phải 4 Nhạy cảm da Loại 1 Cơ quan đích cụ thể Chất độc toàn thân - Tiếp xúc một lần Loại 3
Nội dung được gắn nhãn <div><div></div><div></div></div>
Từ cảnh báo: cảnh báo
Cảnh báo nguy hiểm: <div><div>H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy</div><div>H317 Có thể gây dị ứng da</div><div>H332 Có hại nếu hít phải</div><div>H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp</div><div>H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt</div></div>
Thông báo cảnh báo nguy hiểm: H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy <div><div>H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da</div><div>H332: Có hại nếu hít phải</div><div>H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp</div><div>H336: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt</div></div>
Các biện pháp phòng ngừa chống lại
Phòng ngừa

Phiên bản: 2025-1

P210: Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Cấm hút thuốc.	
P271: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt.	
P280: Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.	
phòng ngừa:	
P210: Tránh xa các nguồn gây cháy như nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần - Cấm hút thuốc	
P271: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt	
P280: Đeo găng tay bảo hộ	
Phản ứng	
P304+340: NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ tư thế thoải mái để thở.	
P303+P361+353: NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/tắm.	
P312: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ/ nếu bạn cảm thấy không khỏe.	
P303+361+353: NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức mọi quần áo bị nhiễm bẩn và rửa sạch da bằng nước/tắm.	
P304+340: NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ tư thế thoải mái để thở.	
P312: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.	
Cửa hàng	P403+233: Bảo quản nơi thông thoáng. Đậy kín nắp hộp.
cửa hàng	P403+233: Bảo quản nơi thông thoáng và đậy kín nắp hộp.
Xử lý	
P501: Xử lý nội dung/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế	
Xử lý	
P501 Vứt bỏ nội dung/vỏ đựng (theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế)	
Các mối nguy hiểm khác: Không có	

3Thành phần / Thông tin về thành phần (Trộn) / thông tin nhận dạng thành phần (hỗn hợp)

Tính chất hóa học		
Tên thành phần nguy hiểm <small>Tên tiếng Trung và tiếng Anh của các thành phần nguy hiểm</small>	Nồng độ / Phần trăm <small>Nồng độ hoặc phạm vi nồng độ (phần trăm thành phần)</small>	Số CAS <small>Số đăng ký dịch vụ Tôm tắt hóa học</small>
n-Butyl Acetate	25 ±3	123-86-4
POLYISOCYANATE (Polyisocyanates aliphatic) Polyisocyanate (polyisocyanate aliphatic)	75 ±3	28182-81-2

#### 4. Biện pháp sơ cứu:

Quy trình cấp cứu và sơ cứu 'Hít phải: Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí hoặc đưa đến bệnh viện.	
'Tiếp xúc với da: Cởi bỏ quần áo. Rửa thật nhanh bằng nước và xà phòng	
'Tiếp xúc với mắt: Rửa bằng nhiều nước và đưa đến bệnh viện	
'Nuốt phải: Đưa đến bệnh viện	
Các phương pháp sơ cứu cho các đường tiếp xúc khác nhau	
'Hít phải: Đưa bệnh nhân đến nơi thông thoáng. Nếu tình trạng nghiêm trọng, hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức.	
Tiếp xúc với da: Cởi bỏ quần áo và rửa vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước.	
'Tiếp xúc với mắt: Rửa sạch với nhiều nước và đi khám ngay lập tức.	
'Nếu nuốt phải: Hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.	

Phiên bản: 2025-1

Các triệu chứng quan trọng nhất và tác dụng nguy hiểm : Đau đầu, chóng mặt, buồn ngủ, kích ứng.
Bảo vệ người sơ cứu: Không có thông tin nào
Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết : Điều trị triệu chứng

5. Biện pháp chữa cháy: Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp: CO2. Bột hóa chất khô, bọt. Phương tiện chữa cháy phù hợp: CO2. Bột hóa chất khô, bọt.
Nguy cơ phơi nhiễm đặc biệt: Đốt cháy tạo ra khói gây kích ứng.
Quy trình dập lửa đặc biệt: Sử dụng nước để làm mát các vật chứa tiếp xúc với lửa và bảo vệ các vật liệu khác. Lời khuyên cho lính cứu hỏa: Lính cứu hỏa phải đeo mặt nạ dưỡng khí, quần áo và găng tay bảo hộ.

6. Biện pháp phòng ngừa phát tán ngẫu nhiên

Bảo vệ cá nhân: Tránh xa khu vực trước khi vệ sinh khu vực bị ô nhiễm.
Bảo vệ môi trường: Không để sản phẩm chảy vào cống rãnh.
Phương pháp làm sạch: Phủ kín vết tràn bằng vật liệu thấm hút trơ (cát). Làm sạch kỹ lưỡng bề mặt bị nhiễm bẩn.

7. Xử lý và lưu trữ

Xử lý: Không hút thuốc trong khu vực làm việc. Tránh làm việc trong phòng kín có nhiệt độ cao.
Bảo quản: Để bình chứa tránh xa nguồn nhiệt, lửa và thông gió tốt.
8. Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân

Kiểm soát dự án: thiết bị thông gió tổng thể hàng cục bộ hoặc các thiết bị
<div>Yếu tố kiểm soát Các thông số kiểm soát: Nồng độ cho phép trung bình hàng giờ và hàng ngày / nồng độ cho phép trung bình ngắn hạn / nồng độ cho phép tối đa / chỉ số sinh học</div> <div>HAI / STEL / TRẦN NHÀ / Chỉ số sinh học /</div> <div>BAC Butyl Acetate 150 ppm / 187 ppm --- / ---</div>
<div>Thiết bị bảo hộ cá nhân: `Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang. `Bảo vệ tay: Găng tay chống hóa chất. `Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ. `Bảo vệ da và cơ thể: Quần áo bảo hộ hoặc áo khoác phòng thí nghiệm phải chống giun.</div> <div>Thiết bị bảo hộ cá nhân: `Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang. `Bảo vệ tay: Đeo găng tay chống hóa chất. `Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ. `Bảo vệ da và cơ thể: Mặc quần áo bảo hộ hoặc áo khoác phòng thí nghiệm.</div>
Quy trình vệ sinh: Không ăn uống trong giờ làm việc, rửa tay sau khi làm việc.

Phiên bản: 2025-1

9. Tính chất vật lý và hóa học / Đặc điểm

Ngoại quan (Hình dạng & Màu sắc): chất lỏng trong suốt	Mùi: có mùi ESTER
Ngưỡng khứu giác: Không có dữ liệu liệu Ngưỡng mùi:	Điểm nóng chảy: không có
Không có dữ liệu Giá trị pH: Không có dữ liệu	Điểm sôi / Phạm vi sôi: 125 °C Điểm sôi/phạm vi sôi: 125°C
Nhiệt độ phân hủy: Không có dữ liệu	Điểm chớp cháy: 35°C Phương pháp thử nghiệm (cốc mở hoặc cốc kín): Cốc kín
Nhiệt độ tự phát: 430°C  Nhiệt độ tự bốc cháy: 430°C	Giới hạn phơi nhiễm Giới hạn nổ:  n-Butyl Acetate (LEL) 1,7% (UEL) 7,6%
Áp suất hơi: Không có dữ liệu Trọng lượng riêng:	Mật độ hơi: Không có dữ liệu Mật độ hơi: (Không khí = 1) Không có dữ liệu
1,07 g/cm <sup>3</sup> Mật độ: 1,07 g/cm <sup>3</sup> Hệ số phân phối octanol / nước	Độ hòa tan trong nước: Không hòa tan
(log Kow) : Không có dữ liệu	Tốc độ bay hơi: Không có dữ liệu

10. Độ ổn định và khả năng phản ứng

Độ ổn định hóa học: Ổn định trong điều kiện bình thường.  Độ ổn định: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Khả năng phản ứng: Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.  Khả năng phản ứng: Không tạo ra phản ứng trùng hợp có hại
Điều kiện cần tránh: Tia lửa điện, tĩnh điện  Các điều kiện cần tránh: Tia lửa điện, tĩnh điện.
Vật liệu cần tránh: Chất oxy hóa mạnh.  Vật liệu cần tránh: Chất oxy hóa mạnh.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Cacbon điôxit, Cacbon monoxit  Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Giải phóng hơi và khí độc hại như carbon monoxide và carbon dioxide khi cháy

11Thông tin về độc tính

Tiếp xúc có nghĩa là: da, hít phải, nuốt phải, mắt
Triệu chứng: đau đầu, chóng mặt, buồn ngủ, nôn mửa, kích ứng.
Độc tính cấp tính Da: gây kích ứng nhẹ Hít phải: kích thích mũi và họng. Gây đau đầu, buồn nôn và buồn ngủ nồng độ cao hơn. Nuốt phải: tác dụng của việc hít phải cùng với Mắt: hơi nước sẽ kích thích

Phiên bản: 2025-1

<p>Da: Gây kích ứng nhẹ.</p> <p>Hít phải: Có thể gây kích ứng mũi và họng. Nồng độ cao hơn có thể gây đau đầu, buồn nôn và buồn ngủ.</p> <p>Tiêu hóa: Tác dụng tương tự như hít phải</p> <p>Mất: Hơi có thể gây kích ứng</p>
<p>Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: ảnh hưởng đến thần kinh, gan, da.</p> <p>Độc tính mãn tính hoặc lâu dài: ảnh hưởng đến thần kinh, gan và da.</p>

12Thông tin sinh thái

<p>Độc tính sinh học</p> <p>LC50 (Cá)</p> <p>EC50 (Động vật không xương sống dưới nước)</p> <p>BCF</p> <p>LC50 (cá)</p> <p>EC50 (động vật không xương sống dưới nước)</p> <p>BCF (hệ số cô đặc sinh học)</p> <p>BAC Butyl Acetate 18mg/l/96H Phân hủy và</p> <p>---</p> <p>4-14-</p>	<p>bền vững</p> <p>1. Butyl acetate khá dễ phân hủy sinh học</p> <p>Butyl acetate có khả năng phân hủy sinh học khá tốt</p> <p>2.</p> <p>BAC Butyl Acetate</p> <p>Chu kỳ bán rã (không khí)</p> <p>144 giờ.</p> <p>Thời gian bán hủy (bề mặt nước) 178-27156 giờ.</p> <p>Chu kỳ bán rã (nước)</p> <p>---</p> <p>Chu kỳ bán rã (đất)</p> <p>---</p>
<p>Tiết kiệm sinh học:</p> <p>BAC: Không tiết kiệm</p> <p>Butyl acetate: không tích lũy</p>	
<p>Đất di động: dễ giải phóng đất, một số sẽ bốc hơi, một số sẽ thấm vào đất</p> <p>Tính di động trong đất: Khi được giải phóng vào đất, một số sẽ bốc hơi và một số sẽ thấm xuống đất.</p> <p>Tác dụng phụ khác: ---</p>	

13. Những cân nhắc về việc xử lý

<p>Cân nhắc về xử lý: Chỉ đốt trong lò đốt được phê duyệt chính thức.</p> <p>Phương pháp xử lý chất thải: Đốt trong lò đốt được chính phủ phê duyệt.</p>
--

14. Thông tin vận chuyển

<p>Số của Liên Hợp Quốc: 1866</p> <p>Số Liên Hợp Quốc: 1866</p> <p>Phân loại nguy cơ vận chuyển: Loại chất lỏng dễ cháy thứ ba</p> <p>Phân loại nguy cơ vận chuyển: Chất lỏng dễ cháy loại III</p> <p>Loại bao bì: III</p> <p>Loại đóng gói: III</p> <p>Ô nhiễm biển (có / không): có</p> <p>Chất gây ô nhiễm biển (có/không): có</p> <p>Và sự chú ý đặc biệt được dành cho: ---</p> <p>Phương pháp giao hàng đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa: Không có</p>
--

15. Thông tin quy định

<p>Luật và quy định hiện hành:</p> <p>Cơ sở an toàn vệ sinh lao động, nội quy, quy định phòng chống ngộ độc dung môi hữu cơ, quy định an toàn giao thông đường bộ</p> <p>Chất nguy hiểm và có hại, và các quy tắc chung được đánh dấu, môi trường lao động trong không khí cho phép nồng độ các chất có hại theo tiêu chuẩn</p> <p>Các cơ sở xử lý và lưu trữ chất thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn</p> <p>Quy định áp dụng:</p>
---

Phiên bản: 2025-1

Quy định về cơ sở an toàn và sức khỏe lao động, Quy định phòng ngừa ngộ độc dung môi hữu cơ, Quy định an toàn giao thông đường bộ,  Chất nguy hại và quy định về nhãn chất nguy hại và nhận thức chung, Tiêu chuẩn nồng độ cho phép đối với chất nguy hại trong không khí tại nơi làm  việc, Phương pháp lưu trữ, loại bỏ và xử lý chất thải công nghiệp và Tiêu chuẩn cơ sở
--

16. Thông tin khác

Thẩm quyền giải quyết	Cơ sở dữ liệu CHEMINFO, cơ sở dữ liệu HSDB	
Đơn vị lập bảng công ty	Tên: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP TAI YUANG (SƠN BA VUA)	
	Địa chỉ/Điện thoại: 1400, Đường Trung Sơn, Thẩm Khang, Đài Trung, Đài Loan. +886-4-25622009 Địa chỉ/Điện thoại: Số 1400, Đường Trung Sơn, Xã Thẩm Cương, Huyện Đài Trung. ĐT:	
Được chuẩn bị bởi	04-25622009 Chức vụ: Quản lý Họ và tên (Ký hiệu): lý Họ và tên: Wu Huiling 2025/4/18	Kelly Wu Chức danh: Quản
Ngày		